TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:158/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 118/2023/HNGĐ-TLST ngày 03/4/2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2023/QĐ-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn T,** sinh ngày 25/3/1983.

Đại chỉ: Xóm 4, thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn : Chị **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 19/11/1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 4, thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị Th,** sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Hải Dương.

(Anh T, chị H, bà Th đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bầy: Anh và chị H tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hải Dương ngày 16/01/2006. Sau ngày cưới vợ chồng sống

hòa thuận hạnh phúc được 12 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Năm 2016 chị H đi Đài Loan lao động, năm 2018 anh cũng sang Đài Loan lao động. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cùng nhau, nhưng sau đó do xảy ra mâu thuẫn trong việc quản lý kinh tế, nên mỗi người ở một nơi. Đầu năm 2023 anh hết hạn hợp đồng lao động đã về Việt Nam còn chị H tiếp tục ở lại Đài Loan. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 2 con chung là Phạm Văn T1, sinh ngày 16/7/2008 và Phạm Thị V, sinh ngày 20/8/2010. Hiện tại cháu T1 ở với anh, cháu V ở với bà ngoại Phạm Thị Th. Ly hôn anh và chị H thỏa thuận mỗi người nuôi một con, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Chị Nguyễn Thị H hiện nay đang lao động tại Đài Loan, do anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của chị H tại gia đình. Bà Phạm Thị Th là mẹ đẻ chị H cung cấp, chị H đi Đài Loan lao động từ năm 2017, cuối năm 2022 chị H có về thăm gia đình được khoảng 1 tháng rồi tiếp tục sang Đài Loan lao động. Bà không biết địa chỉ của chị H nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên chị H thường xuyên gọi điện về gia đình. Bà xác định vợ chồng chị H, anh T sống không hạnh phúc, hai bên xảy ra mâu thuẫn từ năm 2015, cả hai đều có thời gian ra nước ngoài lao động nhưng không quan tâm đến nhau. Bà Th đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị H biết. Thông qua gia đình chị H có quan điểm, xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay anh T có đơn xin ly hôn, chị đồng ý. Về con chung giữa chị và anh T đã thống nhất thỏa thuận, khi ly hôn anh T nuôi cháu T1 còn chị nuôi cháu V, chị H ủy quyền cho mẹ đẻ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V trong thời gian chị không ở Việt Nam. Về tài sản chung, nợ chung không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị H có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Phạm Thị Th trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị H, anh T là con rể bà. Cháu V là con chung của chị H, anh T, cháu ở với bà từ nhỏ. Bà đồng ý nhận ủy quyền của chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V trong thời gian chị H không ở Việt Nam, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng măt.

Cháu Phạm Văn T1 và cháu Phạm Thị V là con chung của anh T, chị H có quan điểm khi bố mẹ ly hôn, cháu T1 có nguyện vọng được ở với bố, cháu V có nguyện vọng được ở với mẹ và bà ngoại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh T được ly hôn chị H. Về con chung: Giao con Phạm Văn T1, sinh ngày 16/7/2008 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con Phạm Thị V, sinh ngày 20/8/2010 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị H không ở Việt Nam, tạm giao cháu V cho bà Phạm Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị H đều có Hộ khẩu thường trú tại xóm 4, thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Hải Dương. Hiện chị H đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được địa chỉ của chị H ở Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC - PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị H cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình chị H cho thấy, chị H thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Phạm Thị Th. Bà Th đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị H biết. Chị H mặc dù không về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn, nhưng thông qua gia đình chị đã có quan điểm về việc ly hôn với anh T. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Chị H có quan điểm ủy quyền cho bà Phạm Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thị V trong thời gian chị không ở Việt Nam, nên Tòa án xác định bà Th là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Anh T, bà Th đều có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Thông qua gia đình chị H cũng đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hải Dương ngày 16/01/2006, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn chị H. Thông qua gia đình chị H cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với anh T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

- *Về con chung:* Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị H có hai con chung là Phạm Văn T, sinh ngày 16/7/2008 và Phạm Thị V, sinh ngày 20/8/2010. Ly hôn anh T, chị H thỏa thuận mỗi người nuôi một con, anh T nuôi cháu Tùng, chị H nuôi cháu V. Xét thấy, hiện tại cháu T1 đang ở với bố, cháu V đang ở với bà ngoại. Các cháu đều được học tập và chăm sóc tốt. Do vậy để ổn định cuộc sống của các cháu cần tiếp tục giao cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng và giao cháu V cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Trong thời gian chị H không ở Việt Nam, tạm giao cháu V cho bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Văn T1, sinh ngày 16/7/2008 cho anh Phạm Văn T chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi. Giao con chung Phạm Thị V, sinh ngày 20/8/2010 cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con tròn18 tuổi. Anh T và chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu V cho bà Phạm Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0004422 ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn T, bà Phạm Thị Th, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền